

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/KDTM-PT

Ngày 22-11-2018

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do vi phạm hợp đồng vận chuyển

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Chính

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng vận chuyển.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 935/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3444/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ trụ sở: Số 266 đường LO, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T – Giám đốc Công ty A; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Số 15Đ 34 Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt

2. Ông Vũ Đình D; cư trú tại: Số 4/16 L, phường L1, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt

3. Ông Lã Viết N; cư trú tại: Thôn A, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

(Cùng được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 7 năm 2018)

- *Bị đơn*: Công ty B; địa chỉ trụ sở: Tầng 4 tòa nhà S số 452 đường L2, phường V1, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Kiên T; cư trú tại: Tổ 15, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt

2. Ông Hoàng Ngọc C; cư trú tại: Số 6/B1 khu 678, Tổ 42, Cụm 5, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt

(Cùng được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 25-06/GUQ ngày 25 tháng 6 năm 2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty M; địa chỉ trụ sở: Số 24 đường N1, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/12/2017 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/10/2016, Công ty A và Công ty B ký kết Hợp đồng vận chuyển nguyên tắc số 01/10/2016/A-B. Theo đó khi nào Công ty A có nhu cầu thuê vận chuyển thì Công ty B sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Ngày 07/02/2017, Công ty A và Công ty M ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 0702/2017/NT-TS. Theo nội dung Hợp đồng thì Công ty M thuê Công ty A vận chuyển hàng là đá xẻ từ thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái đến cảng Hải Phòng.

Thực hiện Hợp đồng vận chuyển số 01/10/2016/A-B, ngày 30/3/2017 theo yêu cầu của Công ty A, Công ty B đã bố trí xe container biển kiểm soát 15C-11256, kéo rơmooc biển kiểm soát số 15R - 04672, do lái xe Nguyễn Văn C của Công ty B điều khiển chở hàng là đá xẻ ốp lát dạng tấm mài bong 01 mặt dùng trong xây dựng đựng trong container từ Công ty Cổ phần khai khoáng T, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái đi Hải Phòng. Hàng hóa được xếp trong container SEGU 2221669; kẹp chì số YMLL995730. Khi xe ô tô đến địa phận thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái (Địa phận giáp ranh giữa huyện L, tỉnh Yên Bái và huyện B1, tỉnh Hà Giang) bị đổ nghiêng xuống vách Taluy bên trái, độ cao 10m. Container chứa hàng là đá xẻ ốp lát dạng tấm mài bong một mặt bị rơi xuống vách Taluy bị bẹp, toàn bộ các tấm đá bị gãy vỡ không còn giá trị sử dụng. Sau khi xảy ra tai nạn lật xe hàng, lái xe Nguyễn Văn C đã thông báo cho Công ty B biết và

Công ty B đã gọi điện thông báo cho Công ty A. Theo quy định pháp luật thì lái xe Nguyễn Văn C và Công ty B là chủ phương tiện để xảy ra tai nạn phải có trách nhiệm trình báo cơ quan công an để giải quyết theo quy định pháp luật, làm rõ nguyên nhân, thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tổng giá trị thiệt hại là 448.763.240 đồng, bao gồm:

- Số lượng hàng hoá được xác định theo tờ Hải quan số 301261971160 mở tại Chi cục Hải quan Yên Bái là 427.62 m², đơn giá hàng theo hóa đơn là 39,55USD/ m², tỷ giá đồng USD theo tờ khai hải quan là 22.750 đồng/ USD, hàng hóa có giá trị là 384.756.440 đồng.

- Chi phí thuê phương tiện cầu nâng, hạ công hàng bị lật là 35.000.000 đồng. Số tiền thuê phương tiện nâng cầu xe container trên đã được người liên quan thanh toán cho chủ phương tiện nâng cầu là ông Lê Văn P. Ông P đã xuất hóa đơn số 0096379 ngày 01/4/2017 của Cục thuế tỉnh Yên Bái.

- Chi phí vận chuyển, sửa chữa, bồi thường container bị hỏng 29.006.800 đồng. Số tiền đã được thanh toán cho Chi nhánh Công ty TNHH YANGMING SHIPPING VN - Hải Phòng là đơn vị sở hữu vỏ cont SEGU 2221669.

Công ty A đã bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại do Công ty B gây ra cho Công ty M số tiền là 448.763.240 đồng. Kể từ ngày xảy ra tai nạn, Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền thiệt hại phát sinh trên. Tuy nhiên, Công ty B không hợp tác và cũng không có trách nhiệm gì về việc bồi thường thiệt hại cho Công ty A.

Theo khoản 2 Điều 5 Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01/10/2016/TS - HOPGIA ký ngày 01/10/2016 giữa Công ty B và Công ty A quy định về “*Phạt vi phạm*” như sau: “*Bên A (Công ty B) có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho hàng hóa của bên B (Công ty A) trong suốt quá trình vận chuyển, trong trường hợp xảy ra hư hỏng hoặc mất mát hàng hóa do lỗi của Bên A thì Bên A có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị của hàng hóa bị tổn thất tại thời điểm phát sinh*”.

Điều 302 Luật Thương mại năm 2005 (Sau đây viết tắt là LTM) quy định về bồi thường thiệt hại như sau: 1. *Bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm.*

2. *Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.*

Điều 541 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLDS) quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: 1. *Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại do bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất hoặc hư hỏng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 536 của Bộ luật này.*

Căn cứ vào quy định nêu trên, Công ty A đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh đối với lô hàng cho Công ty A số tiền 448.763.240 đồng.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2018 đại diện của bị đơn là ông Lê Khắc T trình bày:* Thừa nhận có việc ký kết Hợp đồng vận chuyển số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016 với Công ty A và xác nhận ngày và địa điểm xảy ra tai nạn của xe container biển kiểm soát 15C-11256, kéo romooc biển kiểm soát 15R-04672 do lái xe Nguyễn Văn C điều khiển như nguyên đơn trình bày. Sau đó lái xe Nguyễn Văn C có gọi điện về Công ty thông báo về việc xe bị tai nạn. Các chi phí giải quyết vụ tai nạn (nếu có) thì lái xe Nguyễn Văn C đã chủ động giải quyết. Sau này lái xe Nguyễn Văn C lái xe về bàn giao cho Công ty. Toàn bộ chi phí cho vụ xe gặp tai nạn bị đơn không biết và cũng không thanh toán chi phí giải quyết tai nạn cho lái xe Nguyễn Văn C hay Công ty nào đã thanh toán chi phí tai nạn. Trước yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn, bị đơn có quan điểm như sau:

- Về việc vận chuyển hàng hóa bên chủ hàng có trách nhiệm phải mua bảo hiểm cho hàng hóa; bị đơn không rõ có sự việc xảy ra hay không? Có cơ quan chức năng xác nhận sự việc xảy ra hay không? Chủ hàng có thông báo với cơ quan bảo hiểm về sự việc xảy ra hay không và quan điểm của cơ quan bảo hiểm thế nào?

- Nếu có sự việc xảy ra thì phải có cơ quan giám định độc lập được các bên liên quan chỉ định để giám định về chủng loại, số lượng và mức độ giá trị tổn thất của hàng hóa; nếu có sự việc tai nạn xảy ra thì thuộc trách nhiệm của bảo hiểm phải thanh toán chứ bị đơn không có trách nhiệm phải bồi thường.

* *Tại bản tự khai ngày 05/01/2018 và bản tự khai bổ sung ngày 18/01/2018 đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty M trình bày:* Công ty M có ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 07022017/M-A ngày 07/02/2017 với Công ty A với nội dung Công ty thuê Công ty A vận chuyển đá sê ốp lát dạng tấm từ thị trấn Yên Thế về Cảng Hải Phòng. Ngày 30/3/2017, Công ty M đã yêu cầu Công ty A bố trí phương tiện để vận chuyển hàng hóa từ Công ty Thanh Sơn ở địa chỉ thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái đi Hải Phòng.

Thực hiện hợp đồng đã ký, Công ty A đã thuê Công ty B vận chuyển hàng hóa trên và Công ty B bố trí xe container mang biển kiểm soát 15C- 11256, kéo romooc mang biển kiểm soát số 15R - 04672, do lái xe Nguyễn Văn C điều khiển. Khi giao nhận hàng xong, lái xe Nguyễn Văn C đã điều khiển xe đi qua địa phận thôn Hu, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái thì xe bị lật xuống vách Taluy, toàn bộ hàng hóa là đá sê bị vỡ, hỏng nát.

Trong tình thế cấp thiết, Công ty M đã thuê ông Lê Văn P, trú tại tổ 4 thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái cầu thùng container và xe container để không bị rơi

xuống vực, đồng thời giải phóng đường giao thông. Sau khi hoàn thành việc cầu xe và thùng container chở hàng hóa, các bên tiến hành kiểm đếm hàng hóa bị thiệt hại, chi phí thuê cầu của ông Lê Văn P và chi phí sửa container số thiệt hại cụ thể như sau: Số lượng hàng hóa là 427.62 m² đá sê ốp lát dạng tấm có giá trị là 384.756.440 đồng, chi phí thuê phương tiện cầu nâng, hạ công hàng bị lật là 35.000.000 đồng, chi phí vận chuyển, sửa chữa, bồi thường container bị hỏng là 29.006.800 đồng, tổng chi phí thiệt hại là 448.763.240 đồng.

Số lượng hàng hóa được xác định theo tờ Hải quan số 301261971160 mở tại Chi cục Hải quan Yên Bái là 427.62 m², hàng hóa có giá trị là 384.756.440 đồng. Toàn bộ số lượng hàng hóa trên Công ty không tham gia mua bảo hiểm. Theo quy định của pháp luật, không bắt buộc các chủ hàng phải mua bảo hiểm đối với hàng hóa vận chuyển trong nước. Công ty không mua bảo hiểm hàng hóa không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên và cũng không trái quy định của pháp luật. Trong hợp đồng vận chuyển các bên đã cam kết đầy đủ, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm phương tiện hàng hóa, con người của bên vận chuyển và bên thuê vận chuyển. Khi bên vận chuyển hàng hóa để xảy ra tai nạn, hỏng hóc, đổ vỡ gây thiệt hại cho bên thuê thì bên vận chuyển phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế theo quy định của pháp luật. Số thiệt hại này, Công ty M đã buộc Công ty A phải bồi thường và Công ty A đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về mặt giá trị tài sản cho Công ty M là 448.763.240 đồng.

Việc Công ty A yêu cầu Công ty B phải bồi thường số tiền trên là đúng pháp luật, đúng thực tế thiệt hại. Đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 03/2018/KDTM-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 303 LTM; Điều 530, Điều 531; khoản 1, khoản 5 Điều 534; Điều 537; khoản 1 Điều 541; Điều 597 BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 448.763.240đ (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/6/2018, bị đơn Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Kiên T trình bày: Thừa nhận giữa Công ty B và Công ty A có ký Hợp đồng vận chuyển số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016 nhưng căn cứ để xác lập hợp đồng giữa các bên là không phù hợp vì Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 và Nghị định số 17/HĐKT ngày 16/01/1990 tại thời điểm đó đã hết hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm xảy ra tai nạn chỉ có Công ty M và lái xe C xác nhận mức độ thiệt hại hàng hóa vận chuyển là không khách quan, cần có một giám định độc lập mức độ thiệt hại của cơ quan chức năng. Mặt khác, theo xác minh của bị đơn thì sau khi xảy ra tai nạn thì còn nhiều tấm đá vẫn còn nguyên nhưng đã được những xe ô tô vận tải nhỏ chở đi và chi phí cầu phương tiện không đến 35.000.000đ. Như vậy, không có cơ sở để xác định giá trị tổn thất như nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng T và những người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Công ty A và Công ty B ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016. Thực hiện hợp đồng, Công ty B cử lái xe Nguyễn Văn C vận chuyển hàng hóa và đã để xảy ra tai nạn, gây thiệt hại cho Công ty A 448.763.240đ (số tiền thực tế Công ty A phải bồi thường cho Công ty M). Căn cứ khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng vận chuyển số 01/10/2016/TS-HOPGIA ngày 01/10/2016, Điều 13, Điều 360, Điều 419, Điều 534, Điều 541 BLDS và Điều 302 Luật Thương mại, Công ty B phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Công ty A. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa đường bộ số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016 và Hợp đồng vận chuyển số 07022017/NT-TS ngày 07/02/2017 được ký kết bởi những người có thẩm quyền, trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, hai Hợp đồng vận chuyển là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Thực hiện hợp đồng, Công ty B cử lái xe Nguyễn Văn C chở hàng nhưng trên đường vận chuyển từ Yên Bái đi Hải Phòng thì xe gặp tai nạn làm số hàng hóa bị vỡ, hỏng không khắc phục được. Thiệt hại của vụ tai nạn gây ra là toàn bộ số hàng vận chuyển bị hư hỏng có giá trị 384.756.440đ; chi phí nâng công hàng bị lật là 35.000.000đ và chi phí vận chuyển, sửa chữa container bị hỏng là 29.006.800đ. Tổng thiệt hại là 448.763.240đ. Những chi phí trên Công ty A đã bồi thường cho Công ty M. Căn cứ khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016, Điều 302

Luật Thương mại, Điều 541 BLDS, Công ty A yêu cầu Công ty B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Công ty B yêu cầu triệu tập lái xe Nguyễn Văn C để làm rõ trách nhiệm và giá trị bồi thường nhưng xác minh tại địa chỉ ghi trên hợp đồng lao động tại Đông Văn, Phú Thái, Kim Thành, Hải Dương giữa Công ty B với lái xe C không có ai tên là Nguyễn Văn C sinh sống và thường trú tại đây ai nên Tòa án không thể tiến hành triệu tập lái xe C để lấy lời khai được. Mặt khác, theo quy định tại Điều 597 BLDS thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao. Trong quá trình vận chuyển, lái xe của Công ty B đã gây tai nạn nên đã không bảo đảm được an toàn cho hàng hóa và phát sinh thiệt hại. Công ty A đã bồi thường những thiệt hại thực tế cho Công ty M là 448.763.240đ. Vì vậy, Công ty B phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho Công ty A theo quy định tại Điều 13, Điều 360, Điều 419, khoản 1, 5 Điều 543 và khoản 1 Điều 541 BLDS. Đối với yêu cầu của Công ty B là buộc Công ty A phải bồi thường những thiệt hại thực tế mà Công ty B phải chịu từ thời điểm xảy ra tai nạn đến thời điểm hiện tại là 416.623.405đ. Căn cứ Điều 200, Điều 293 BLTTDS đề nghị Hội đồng không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty B giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 BLTTDS và Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn kháng cáo, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập lái xe Nguyễn Văn C với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng dân sự. Căn cứ Hợp đồng lao động được ký ngày 15/3/2017 giữa Công ty B với lái xe Nguyễn Văn C và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có cử lái xe Nguyễn Văn C để chở hàng cho Công ty A. Như vậy, lái xe Nguyễn Văn C là người của Công ty B và thực hiện nhiệm vụ do Công ty B giao. Theo Điều 597 BLDS năm 2015 quy định: “*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật.*”. Căn cứ khoản 4 Điều 68 BLTTDS, Hội đồng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa lái xe Nguyễn Văn C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng. Hơn nữa, để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được khách quan Tòa án cấp sơ thẩm đã có Văn bản số 38/TB-TA ngày 18/01/2018 gửi Công ty B về việc đề nghị cung cấp địa chỉ của lái xe Nguyễn Văn C để triệu tập lấy lời khai nhưng Công ty B cũng không cung cấp.

[2] Công ty B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu là buộc Công ty A phải bồi thường các thiệt hại phát sinh mà Công ty B phải chịu từ thời điểm xảy ra vụ tai nạn cho đến nay. Căn cứ khoản 3 Điều 200, Điều 270 và Điều 293 BLTTDS, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của Công ty B. Vì nội dung yêu cầu này vượt quá phạm vi xét xử của Bản án sơ thẩm.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng vận chuyển số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016 được đại diện hợp pháp của các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Thực hiện hợp đồng Công ty B đã cử anh Nguyễn Văn C lái xe BKS số 15C-11256, kéo Somiromoc BKS số 15R – 04672 để chở hàng từ Tuyên Quang đi cảng Hải Phòng. Vào lúc 20 giờ 30 phút, ngày 30/3/2017, trên đường đi tới thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái thì ô tô chở hàng do anh Nguyễn Văn C điều khiển bị tai nạn, công chở hàng bị rơi xuống độ cao 10m làm hư hỏng toàn bộ số hàng vận chuyển. Theo khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng quy định: “*Bên A (bị đơn) có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho hàng hóa của bên B (nguyên đơn) trong suốt quá trình vận chuyển, trong trường hợp xảy ra hư hỏng hoặc mất mát hàng hóa do lỗi của bên A thì bên A có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị của hàng hóa bị tổn thất tại thời điểm phát sinh.*” Theo Điều 597 BLDS quy định: “*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao;...*”. Như vậy, trong quá trình vận chuyển Công ty B đã không đảm bảo được an toàn cho hàng hóa nên Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ và phải có trách nhiệm dân sự đối với Công ty A theo quy định tại khoản 1 Điều 351 BLDS năm 2015.

[4] Sau khi xe ô tô bị tai nạn Công ty M đã thuê ông Lê Văn P; trú tại tổ 4 thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái cầu xe và thùng container để không bị rơi xuống vực nhằm ngăn chặn, hạn chế thiệt hại đồng thời giải phóng đường giao thông là đúng với quy định tại Điều 362 BLDS. Theo Biên bản hiện trạng ngày 31/3/2017 thì xe và container rỗng gác trên bụi tre. Container chứa hàng bị lật rơi xuống khu vực Taluy bị bẹp nhưng kẹp chì vẫn còn. Do container có hàng nặng nên không thể cầu lên được do vậy các bên đã thống nhất cắt kẹp chì để kiểm tra hàng hóa vận chuyển. Sau khi kiểm tra thấy rằng số hàng đã bị vỡ hư hỏng không khắc phục được có sự chứng kiến của lái xe Nguyễn Văn C. Thiệt hại gây ra của vụ tai nạn bao gồm:

- Giá trị hàng hóa vận chuyển là 384.756.440 đồng (Theo tờ Hải quan số 301261971160 mở tại Chi cục Hải quan Yên Bái là 427.62 m², đơn giá hàng theo hóa đơn là 39,55USD/m², tỷ giá đồng USD theo tờ khai hải quan là 22.750 đồng/USD)

- Chi phí thuê phương tiện cầu nâng công hàng bị lật là 35.000.000 đồng. Theo Hóa đơn số 0096379 ngày 01/4/2017 của Cục thuế tỉnh Yên Bái do chính chủ phương tiện ký nhận.

- Chi phí vận chuyển, sửa chữa, bồi thường container bị hỏng 29.006.800 đồng. Số tiền đã được thanh toán cho Chi nhánh Công ty TNHH YANGMING SHIPPING VN - Hải Phòng là đơn vị sở hữu vỏ container SEGU 2221669.

Đối với thiệt hại về hàng hóa có sự xác nhận của lái xe Nguyễn Văn C là người của Công ty B và có người làm chứng nên có cơ sở khẳng định tính khách quan của sự việc. Các giá trị thiệt hại đều có hóa đơn, chứng từ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp nên có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, sau khi xảy ra tai nạn lái xe C đã gọi điện báo cho Công ty B nhưng Công ty B cũng không đến trực tiếp hiện trường để kiểm tra và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh để phản đối yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

[5] Lái xe Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô trở hàng nặng đi vào ban đêm, đường nhỏ, quanh co và ướt. Trường hợp này lẽ ra lái xe C phải biết hoặc có thể biết trước tai nạn có thể xảy ra và cần có phương án phòng chống nhưng lái xe vẫn tiếp tục di chuyển và tai nạn đã xảy ra. Như vậy, trong trường hợp này lái xe C là người hoàn toàn có lỗi.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải bồi thường những thiệt hại thực tế do bị đơn gây ra là có căn cứ, phù hợp với sự thỏa thuận tại khoản 1, 2 Điều 5 của Hợp đồng số 01/10/2016/A-B ngày 01/10/2016 mà các bên đã ký và phù hợp với các quy định tại Điều 13, Điều 419, Điều 360, khoản 5 Điều 534 và Điều 541 BLDS và Điều 302, 303 Luật Thương mại. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của BLTTDS; Điều 303 Luật Thương mại; Điều 530, Điều 531; khoản 1, 5 Điều 534; Điều 537; khoản 1 Điều 541 và Điều 597 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Giữ nguyên Bản án số 03/2018/KDTM-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A: Buộc Công ty B phải bồi thường cho Công ty A số tiền 448.763.240đ (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty B chưa thi hành án thì hàng tháng Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm: Công ty B phải chịu 21.462.897đ (*Hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty A 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tiền tạm ứng án đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011874 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

Án phí phúc thẩm: Công ty B phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) mà Công ty B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0014658, ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP,TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương